



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC LẮP MÁY HẢI PHÒNG

HAIPHONG ELECTRICITY WATER MACHINE ASSEMBLY JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: Số 34 đường Thiên Lôì - Phường Nghĩa Xá - Quận Lê Chân - Thành phố Hải Phòng - Việt Nam * Email: dnc@diennuochp.com.vn
Hotline: 1800588882 * ĐT: 0225.3856 209 * Fax: 0225.3785759 * Website: www.diennuochp.com.vn * Mã chứng khoán: DNC

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC LẮP MÁY HẢI PHÒNG NĂM BÁO CÁO 2019

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- TÊN GIAO DỊCH: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC LẮP MÁY HẢI PHÒNG
- TÊN VIẾT TẮT: DNC
- GIẤY CHỨNG NHẬN ĐKDN SỐ: 0200155561 Do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp ngày 07/12/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 11.
- VỐN ĐIỀU LỆ: 41.103.200.000 đồng (Bốn mươi một tỷ một trăm linh ba triệu hai trăm ngàn đồng)
- VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU: 41.103.200.000 đồng (Bốn mươi một tỷ một trăm linh ba triệu hai trăm ngàn đồng)
- ĐỊA CHỈ: Số 34 đường Thiên Lôì, quận Lê Chân - TP. Hải Phòng
- ĐIỆN THOẠI: (84-0225) 3.856.209
- FAX: (84-0225) 3.785.759
- WEBSITE: www.diennuochp.com.vn
- MÃ CHỨNG KHOÁN: **DNC** (Cổ phiếu phổ thông)

Công ty Cổ phần Điện nước lắp máy Hải Phòng trước đây là Công ty Điện nước lắp máy, tiền thân là Đội điện nước lắp máy có nhiệm vụ lắp đặt điện nước cho các công trình.

Năm 2005 thực hiện chủ trương cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước của Đảng và Chính phủ, ngày 14 tháng 03, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ra Quyết định số 392/QĐ-UB phê duyệt phương án cổ phần hoá chuyển Công ty Điện nước lắp máy thành Công ty Cổ phần Điện nước lắp máy Hải Phòng.

Tại thời điểm 23/12/2009 công ty đã chính thức giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203001815 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 21/10/2005 và thay đổi đăng ký lần thứ 11 vào ngày 07/12/2018, ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

Hiện tại công ty hoạt động chủ yếu trong 03 lĩnh vực chính là:

- Truyền tải và phân phối bán lẻ điện
- Khai thác, xử lý và phân phối bán lẻ nước sạch
- Thi công xây lắp xây dựng các công trình điện, nước.
- Địa điểm hoạt động của Công ty gồm:

- TRỤ SỞ CÔNG TY

Địa chỉ: Số 34 đường Thiên Lô, quận Lê Chân, TP.Hải Phòng.

- XÍ NGHIỆP ĐIỆN AN DƯƠNG

Địa chỉ: Xã An Đông, huyện An Dương, TP.Hải Phòng

- XÍ NGHIỆP ĐIỆN VĨNH BẢO

Địa chỉ: Xã Tân Hưng, huyện Vĩnh Bảo, TP Hải Phòng

- XÍ NGHIỆP ĐIỆN THỦY NGUYÊN

Địa chỉ: Xã Lập Lễ, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng.

- CHI NHÁNH HẠ LONG

Địa chỉ: ki- ốt C 238 khu phố cổ Sunworld, đường Hạ Long, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

Công ty Cổ phần Điện nước lắp máy Hải Phòng hoạt động theo mô hình quản trị của Công ty đại chúng niêm yết, được chuyển đổi từ công ty nhà nước sang công ty cổ phần tư nhân 100%

Đại hội đồng cổ đông:

Hội đồng quản trị:

Ban Kiểm soát:

Ban Tổng Giám đốc:

Các Phòng Ban chức năng và các đơn vị trực thuộc:

✓ Các Phòng nghiệp vụ:

- Phòng Kinh doanh: Thực hiện các hoạt động mua bán sản phẩm, dịch vụ đầu vào và quản lý, theo dõi các hoạt động cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng. Phát triển, mở rộng khách hàng và phạm vi cung cấp. Lập và theo dõi kế hoạch sản xuất kinh doanh, quản lý Hành chính, Tổ chức, Lao động, Tiền lương.
- Phòng Tài chính: Thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, tài chính theo đúng quy định của pháp luật. Đảm bảo các nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

✓ Các Xí nghiệp trực thuộc: Thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo chức năng chuyên môn và chỉ đạo của Ban Giám đốc.

✓ Các Ban Quản lý điện và các Đội kỹ thuật, Đội xây dựng:

Định hướng phát triển

3.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty trong năm 2020

3.1.1. Các chỉ tiêu kinh tế:

TT	Chỉ tiêu	Sản lượng (KWh)	Doanh thu (Triệu đồng)	Tỷ lệ Tổng thất (%)
A	Tổng sản lượng, doanh thu	204.065.000	435.000	
I	Kinh doanh Điện	204.065.000	419.500	5,2%
1	XN điện An Dương	112.419.800	240.100	4,8%
2	XN điện Thủy Nguyên	44.011.700	85.900	6,2%
3	XN điện Vĩnh Bảo	42.133.500	78.000	5,3%
4	Chi nhánh Hạ Long	5.500.000	15.000	5,0%
II	Kinh doanh nước	590.300	8.500	
1	Các khu đô thị - XN điện An Dương	440.300	5.500	
2	Chi nhánh Hạ Long	150.000	3.000	
III	Kinh doanh khác		7.500	
B	Lợi nhuận trước thuế		26.700 triệu đồng	
C	Thuế thu nhập doanh nghiệp		5.607 triệu đồng	

D	Lợi nhuận sau thuế	21.093 triệu đồng
E	Tỷ lệ chia cổ tức	$\geq 20\%$
F	Lương bình quân	9.300.000 đồng/ng/th

* Triển khai các dự án đầu tư:

1. Đầu tư bổ xung, nâng công suất các trạm biến áp:

+) Xây dựng mới 06 TBA công suất 560KVA, tổng công suất được đầu tư bổ xung là 3.360KVA,

+) Kết hợp với Công ty Điện lực xây dựng bổ xung tại XN Điện Vĩnh Bảo 06 trạm công suất 400KVA, tổng công suất 2.400KVA.

+) Nâng công suất 03 TBA là tài sản của Công ty: Công suất tăng 660KVA

+) Kết hợp với Điện lực nâng công suất 10 TBA là tài sản của Điện lực, Công suất tăng dự kiến 1.400KVA:

2. Đầu tư sửa chữa, cải tạo, nâng cấp hệ thống đường dây hạ thế để san tải các TBA, tập trung chủ yếu vào các xã có phụ tải sử dụng điện tăng nhanh, thuộc huyện An Dương và Thủy Nguyên. Số lượng dự kiến từ 15-20 KM.

3. Thay thế, kiểm định lại hệ thống công tơ: (Dự kiến) 10.000 cái

4. Phát triển khách hàng mới:

+) Tìm kiếm thị trường phát triển kinh doanh điện, nước tại các khu đô thị mới.

+) Lắp phát sinh cho các hộ sử dụng điện, nước: 2.000 hộ.

3.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn (2020-2024)

4.1. Mục tiêu

- Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, phát huy tối ưu nguồn lực sẵn có để duy trì và đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng hàng năm từ 10 - 15%.
- Tập trung củng cố, phát triển lĩnh vực ngành nghề kinh doanh chính của Công ty đó là lĩnh vực kinh doanh điện, nước. Đầu tư cải tạo, ổn định hệ thống lưới điện, nước phát triển mở rộng thị trường kinh doanh, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.
- Thực hiện các biện pháp nhằm tiếp tục giảm tỷ lệ tổn thất điện năng, thực hiện các chương trình tiết kiệm trong quản lý, phân phối và bán lẻ điện.
- Đảm bảo công ăn việc làm, cải thiện thu nhập và điều kiện làm việc cho cán bộ công nhân viên, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.

- Đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn kinh doanh.

4.2. Các chỉ tiêu kế hoạch 5 năm

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1. Vốn điều lệ	51.379	51.379	51.379	51.379	61.655
2. Doanh thu	435.000	500.000	565.000	635.000	710.000
- Kinh doanh điện	419.000	485.000	548.000	617.000	691.000
- Kinh doanh nước	8.500	10.200	12.240	13.586	15.000
- Kinh doanh khác	7.500	4.800	4.760	4.414	4.000
3. Lợi nhuận trước thuế TNDN	26.700	27.500	29.000	32.000	35.500
4. Thu nhập bình quân (đ/ng/th)	9.300.000	11.000.000	12.000.000	13.000.000	14.000.000
5. Tỷ lệ trả cổ tức	≥20%	≥20%	≥20%	≥20%	≥20%

4.3. Kế hoạch triển khai các dự án đầu tư.

1. Phát triển thị trường kinh doanh điện, nước, phát triển khách hàng tại các địa bàn của thành phố và các thành phố lân cận.
2. Chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại số 34-Đường Thiên Lô, Nghĩa Xá, Lê Chân, Hải Phòng:

4.4. Các rủi ro

Rủi ro về kinh tế

Thực trạng nền kinh tế và xu hướng chung trong tương lai có ảnh hưởng đến sự thành công và chiến lược hoạt động của một doanh nghiệp. Khi nền kinh tế ở giai đoạn có tốc độ tăng trưởng cao tạo nhiều cơ hội cho đầu tư mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh cho các doanh nghiệp. Ngược lại, khi nền kinh tế sa sút, suy thoái sẽ gây ảnh hưởng tiêu cực cho các doanh nghiệp.

Rủi ro đặc thù

Nguyên vật liệu chính của sản phẩm dây cáp điện là kim loại đồng và nhôm. Sự biến động của giá đồng, nhôm trên thế giới ảnh hưởng đáng kể đến kết quả kinh doanh của Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty hiện nay là: Kinh doanh điện, nước, xây dựng, xây lắp các công trình điện, nước của Công ty

Cơ cấu tổ chức lao động hiện nay do đặc thù kinh doanh Công ty bố trí, sắp xếp lại các đơn vị, bố trí lại cán bộ. Các đơn vị trong Công ty bao gồm 3 xí nghiệp điện, 01 Chi nhánh Hạ Long, phòng kinh doanh, phòng kế toán với số lao động hiện nay 110 người.

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Doanh thu bán hàng: 357.734.976.111 đ
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh: 21.451.956.718 đ
- Lợi nhuận khác: 4.657.674.066 đ
- Tổng lợi nhuận trước thuế: 26.109.630.784 đ

Các chỉ tiêu so với kế hoạch đều đạt chỉ tiêu.

+ Chỉ tiêu về lợi nhuận vượt kế hoạch đặt ra.

+ Sản lượng điện tiêu thụ năm 2019 đạt 167,4 triệu KWh, tăng so với 2018 là 121%.

+ Doanh thu đạt 357.734.976.111 đ tăng 126% so với năm 2018.

Có được kết quả trên là do sự lãnh đạo đúng hướng của HĐQT, ban giám đốc và của tập thể cán bộ CNV Công ty.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Ban điều hành

- + Tổng giám đốc: Đỗ Huy Đạt - Ủy viên HĐQT số cổ phần nắm giữ: 1.020.683 CP
- + Phó tổng giám đốc - Kế toán trưởng: Lê Hữu Cảnh - Ủy viên HĐQT số cổ phần nắm giữ: 509.980 CP
- + Phó tổng giám đốc: Nguyễn Văn Thao số cổ phần nắm giữ: 50.023 CP

2.2 Số lượng lao động và chính sách với người lao động

+ Số lượng cán bộ công nhân viên: 110 người trong đó:

Trình độ đại học và trên đại học: 32 người

Cao đẳng, trung cấp: 15 người

Công nhân kỹ thuật và lao động phổ thông: 63 người

Các chính sách đãi ngộ đối với người lao động luôn được thực hiện tốt:

Công ty thực hiện chi trả tiền lương, thưởng kịp thời đúng chế độ. Tất cả lao động của Công ty đều được đóng đầy đủ các loại bảo hiểm theo quy định của Nhà Nước.

Công tác bồi dưỡng nâng cao tay nghề cho người lao động cũng được chú trọng thực hiện. Hàng năm đều tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ cán bộ công nhân viên trong công ty và tổ chức các hội nghị biểu dương con em cán bộ CNV có thành tích xuất sắc trong học tập, các chương trình tham quan du lịch hè đều được tổ chức.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1 Thực hiện đầu tư, sửa chữa, nâng cấp hệ thống tài sản.

- + Hoàn thiện công tác thi công, nghiệm thu đóng điện đưa vào sử dụng 10 Trạm biến áp với tổng công suất là 5.890 KVA, trong đó:
- + Kết hợp với Công ty Điện lực đầu tư xây dựng 02 trạm biến áp tại xã Lập Lễ và Hòa Bình
- + Thực hiện nâng công suất 14 TBA:
 - Nâng công suất 07 TBA là tài sản của Công ty. Tổng công suất là 1.560 KVA
- + Nâng công suất 07 TBA là tài sản của Điện lực. Tổng công suất là 920 KVA
- + Kéo cáp bổ xung đường trục chống quá tải; phát triển trục san tải các TBA: 27.500 m.
- + Kiểm tra, thay thế cột điện chưa đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và di chuyển cột điện phục vụ xây dựng nông thôn mới: 350 cột điện các loại.
- + Tiếp nhận hệ thống điện TBA T3 công suất 750KVA, hệ thống nước tại Khu nhà ở Him Lam.
- + Tiếp nhận hệ thống điện Khu dân cư nuôi trồng thủy sản của Công ty Khoa Thành tại quận Dương Kinh và huyện Tiên Lãng; gồm 5 TBA đang thực hiện thủ tục mua bán điện với các điện lực.
- + Tiếp nhận hệ thống điện Khu tái định cư Gia Minh – Thủy Nguyên.

3.2 Công tác quản lý kinh doanh

- + Triển khai xây dựng phần mềm quản lý điện, nước. Rà soát dữ liệu khách hàng, hệ thống lưới điện tại các xã, hệ thống công tơ đo đếm đưa vào quản lý theo phần mềm mới.

- + Hoàn thành hồ sơ gửi Sở Công Thương xin cấp giấy phép hoạt động điện lực cho Khu Him Lam, khu đường vòng Cầu Niệm, khu Thủy Sản Đồ Sơn –Tiên Lãng, khu Gia Minh.

3.3 Công tác lắp phát sinh, thay định kỳ

- + Lắp phát sinh các khách hàng toàn Công ty : 3.273 hộ,
- + Thay định kỳ toàn Công ty : 6.115 công tơ

3.4 Công tác kinh doanh điện, nước tại Chi nhánh Hạ Long

- + Hoàn thiện các thủ tục pháp lý cho Chi nhánh hoạt động theo pháp luật.
- + Tiếp nhận bàn giao 06 TBA dự án 5 châu 4 biển đã hoàn thiện các thủ tục pháp lý tại dự án.
- + Ký hợp đồng mua bán điện với Điện lực Hoàn Bồ; quản lý và cấp điện cho 8 hộ dân tại dự án.
- + Thực hiện các thủ tục tiếp nhận dự án Khu CN Hoàn Bồ; hoàn thiện thủ tục xin cấp giấy phép hoạt động điện lực tại dự án Công ty Bảo Long; Thạch Bích; Xuân Trường cấp điện cho khu dân cư và Khu CN Hoàn Bồ.

4. Tình hình tài chính.

4.1. Tình hình tài chính

Theo số liệu Báo cáo Tài chính Hợp nhất năm 2018 và 2019 đã được kiểm toán, tình hình Tài chính của Công ty thể hiện như sau:

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Tỷ lệ tăng giảm (%)
1	Tổng giá trị Tài sản	77.149	82.833	107
2	Doanh thu thuần	286.620	357.735	125
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	15.703	21.452	137
4	Lợi nhuận khác	3.952	4.658	118
5	Tổng lợi nhuận trước thuế	19.655	26.109	133
6	Lợi nhuận sau thuế	15.671	20.643	133
7	Tỷ lệ trả cổ tức	20%	20%	

4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,7	1,94
	Hệ số thanh toán nhanh	1,35	1,27
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
	Hệ số nợ/Tổng tài sản	33%	29%
	Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	50%	41%
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
	Vòng quay vốn lưu động	6,51	7,67
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	3,72	4,32
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	5,47%	5,77%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	30,44%	35,09%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	20,31%	24,92%
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần.	5,5%	6,0%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn chủ đầu tư của chủ sở hữu

a) cổ phần

- Số lượng cổ phần đang lưu hành: 4.110.320 cổ phần
- Tổng số cổ phần phổ thông: 4.110.320 cổ phần

5.2 Cơ cấu cổ đông

Theo danh sách chốt ngày 04/10/2019 cơ cấu cổ đông của công ty như sau:

Stt	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
	Tổng số cổ đông	128	4.110.320	100%
	- Cổ đông lớn	5	2.966.092	72,2%
	- Cổ đông trong nước	124	4.103.953	99,85%
	- Cổ đông nước ngoài	4	6.367	0,15%

- Cổ đông tổ chức trong nước	3	263.491	6,4%
- Cổ đông tổ chức nước ngoài	3	2.923	0,07%

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu: có

5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

5.5 Các chứng khoán khác: Không có

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm 2019 vẫn còn nhiều khó khăn do khách quan của nền kinh tế nhưng Công ty cũng đã thực hiện được những mục tiêu chiến lược đã đề ra đảm bảo vượt mức tỷ lệ chia cổ tức cho cổ đông.

Người lao động có việc làm ổn định, đời sống được nâng lên, nội bộ công ty luôn giữ tinh thần đoàn kết, gắn bó, giúp đỡ nhau trong công tác.

Công tác kinh doanh điện mang lại lợi nhuận cao, giảm tỷ lệ tổn thất điện năng.

Thực hiện tốt công tác chăm sóc khách hàng, được sự ủng hộ nhiệt tình của các cấp chính quyền địa phương và đặc biệt là sự tin tưởng ủng hộ của nhân dân trên địa bàn công ty kinh doanh.

Thị trường ngày càng mở rộng, tiếp nhận thêm dự án tại các tỉnh ngoài lân cận, đầu tư lưới điện nông thôn mở rộng địa bàn kinh doanh phát triển dài hạn cho những năm tiếp theo.

2. Tình hình tài chính

2.1 Phân tích tình hình tài sản

Năm 2019 tình hình Tài chính của Công ty rất ổn định, Trong năm tài chính năm 2019 Công ty không phát sinh nợ xấu.

2.2 Phân tích khả năng sinh lợi, khả năng thanh toán

Với tính chất và ngành nghề Kinh doanh ổn định vì vậy Khả năng sinh lợi từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là tốt, năm sau cao hơn năm trước.

Khả năng thanh toán nhanh và rất được đảm bảo.

Năm 2019 đạt vượt kết quả vượt chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 đề ra, tạo việc làm ổn định và tăng lương theo quy định Nhà nước cho người lao động trong Công ty, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước.

IV. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty về hoạt động của ban giám đốc Công ty

- Thực hiện nghiêm các quyền và nghĩa vụ của HĐQT theo Pháp luật và Điều lệ Công ty. Chấp hành đầy đủ mọi qui định yêu cầu về quản trị Công ty và công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và các cơ quan chức năng.

- Hội đồng quản trị thực hiện giám sát đầy đủ hoạt động của Ban tổng giám đốc trong công tác xây dựng chiến lược, kế hoạch trung hạn, kế hoạch SXKD hàng năm để đảm bảo các quyết định về hoạt động Công ty tuân thủ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cũng như qui định pháp luật.

- Hội đồng quản trị đã nghiêm túc xem xét từng vấn đề và yêu cầu Ban điều hành phải chủ động tích cực mở rộng quan hệ tìm kiếm thị trường, xây dựng các biện pháp quản lý phù hợp với mô hình kinh doanh, kiểm soát chặt các khoản mục chi phí... nâng cao trách nhiệm và khả năng quản lý đạt hiệu quả và an toàn sản xuất.

- Năm 2019 hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kinh tế do Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 đề ra, tạo việc làm ổn định và tăng lương theo quy định Nhà nước cho người lao động trong Công ty, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước.

2. Kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020

Để thực hiện và hoàn thành những chỉ tiêu cơ bản năm 2020, HĐQT đưa ra định hướng hoạt động và giám sát cụ thể:

- Không ngừng nâng cao hiệu lực và hiệu quả hoạt động của HĐQT, ban Tổng giám đốc trên cơ sở tuân thủ chặt chẽ các quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty, đảm bảo tạo điều kiện và phát huy tối đa năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý điều hành.

- HĐQT giám sát chặt chẽ quá trình điều hành hoạt động của Tổng giám đốc và ban điều hành.

- Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chủ chốt và các cán bộ công nhân viên tham gia các khóa học trong và ngoài Công ty. Áp dụng những phương pháp quản trị hiện đại; thực hiện tốt việc giám sát và chỉ đạo đối với toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

- Cam kết bảo toàn, phát triển vốn và đảm bảo quyền lợi của các nhà đầu tư.

- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức và mô hình quản lý của Công ty, phân cấp cụ thể đối với từng bộ phận và cá nhân nhằm nâng cao vai trò chủ động, phát huy tối đa mọi nguồn lực để triển khai thực hiện nhiệm vụ.

- Tăng cường sự kiểm tra, giám sát các hoạt động của từng bộ phận để phân tích, đánh giá kết quả thực hiện, tìm biện pháp xử lý và xây dựng phương án sản xuất kinh doanh từng tháng, quý, năm sát với thực tiễn.

- Thắt chặt các biện pháp quản lý để kiểm soát các khoản mục chi phí ở mức tiết kiệm nhất.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1) Ông Nguyễn Trung Kiên – Chủ tịch hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Trung Kiên sinh năm 1961. Là Thạc sỹ Kinh tế

Hiện nay ông Nguyễn Trung Kiên là Chủ tịch hội đồng quản trị của Công ty CP Điện nước lắp máy Hải Phòng. Tổng giám đốc Công ty cổ phần Điện nước Hạ Long.

Ông sở hữu 938.028 cổ phần Điện nước lắp máy Hải Phòng

2) Ông Đỗ Huy Đạt – Ủy viên Hội đồng quản trị.

Ông Đỗ Huy Đạt sinh năm 1958. Ông là Kỹ sư địa chất công trình, cử nhân kinh tế.

Ông đã từng giữ các chức vụ Phó giám đốc Công ty Xây dựng và đầu tư hạ tầng HP từ năm 1998 – 2003. Phó giám đốc điều hành Công ty Điện nước lắp máy Hải Phòng từ năm 2004 – 2005.

Hiện nay ông là Tổng giám đốc công ty và thành viên Hội đồng quản trị công ty.

Ông sở hữu 1.020.683 cổ phiếu DNC.

3) Ông Lê Hữu Cảnh – Ủy viên Hội đồng quản trị.

Ông Lê Hữu Cảnh sinh năm 1964. Với trình độ Kỹ sư kinh tế ông đã trải qua nhiều chức vụ kế toán trưởng , phó tổng giám đốc công ty.

Hiện nay ông Lê Hữu Cảnh đảm nhận chức vụ Phó tổng giám đốc công ty , kế toán trưởng ủy viên Hội đồng quản trị của Công ty CP điện nước lắp máy Hải phòng. Ông sở hữu 509.980 cổ phiếu DNC.

4) Bà Vũ Thị Lương Dung - Ủy viên hội đồng quản trị.

Bà Vũ Thị Lương Dung sinh năm 1975 là Thạc sỹ Kinh tế, đã từng giữ chức phó giám đốc xí nghiệp Xây dựng, Phó phòng kinh doanh.

Hiện nay bà là Giám đốc kinh doanh , ủy viên Hội đồng quản trị Công ty CP điện nước lắp máy Hải Phòng,

Bà sở hữu 136.538 cổ phần Điện nước lắp máy Hải Phòng

5) Bà Lại Thị Vinh –Ủy viên hội đồng quản trị.

Bà Lại Thị Vinh sinh năm 1965 là Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Luật, Kế toán trưởng, đã từng giữ chức chuyên viên CNK Chi nhánh Tổng Công ty Da giày Việt Nam tại Hải Phòng; chuyên viên kinh doanh, Phó phòng Kinh doanh Công ty Liên doanh Gia công thép VINANIC; Phó giám đốc Chi nhánh Công ty Kim khí Hà Nội tại Hải Phòng; Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV kinh doanh dầu khí Việt Hải.

Hiện nay bà là Trưởng ban kiểm soát Công ty CP tư vấn thiết kế và giám định Sao Việt, Kế toán trưởng Công ty CP vận tải Biển Bắc, ủy viên Hội đồng quản trị Công ty CP điện nước lắp máy Hải Phòng.

Bà sở hữu 31.279 cổ phần Điện nước lắp máy Hải Phòng

* Hoạt động của Hội đồng quản trị

Năm 2019 Hội đồng quản trị đã tiến hành 04 phiên họp với các thành viên HĐQT, ban Tổng giám đốc, Trưởng ban kiểm soát để triển khai Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 với các nội dung cụ thể như sau:

1.1 Phiên họp lần thứ I (ngày 19/02/2019) nhằm đánh giá kết quả SXKD năm 2018 và thông qua kế hoạch SXKD quý I/2019 với các nội dung:

a) HĐQT ghi nhận và đánh giá cao sự nỗ lực của toàn thể CBCNV, sự điều hành của Ban tổng giám đốc Công ty trong năm 2018 với những kết quả SXKD:

+ Doanh thu đạt 286 tỷ đồng tăng 31% ; lợi nhuận tăng 48% so với năm 2017.

- + Tỷ lệ tổn thất đã giảm từ 6,1% năm 2017 xuống còn 5,3% năm 2018.
- + Hoàn tất tăng vốn Điều lệ từ 31.618.920.000 đồng lên 41.103.200.000 đồng theo nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 vào quý 4.

b) HĐQT thông qua công tác đầu tư, quản trị công ty và kế hoạch quý 1 năm 2019; nhất trí với nội dung Tờ trình của Tổng giám đốc Công ty

- + Tờ trình bổ nhiệm lại chức danh TGD và các phó TGD
- + Tờ trình Thành lập chi nhánh Hạ Long
- + Bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Thao PTGD kiêm Giám đốc chi nhánh Điện - Nước Hạ Long; Giao giám đốc chi nhánh xây dựng Quy chế hoạt động của chi nhánh

+ Chốt ngày tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 là ngày 06/4/2019; Giao cho Ban TGD chuẩn bị đầy đủ mọi mặt để ĐHĐCĐ thường niên được thành công

1.2 Phiên họp lần thứ II (ngày 13/5/2019) nhằm đánh giá kết quả SXKD quý I/2019 và phê chuẩn kế hoạch SXKD quý 2 năm 2019 với các nội dung:

- HĐQT định hướng giải quyết một số tồn tại: về thu hồi công nợ của XN Xây dựng, hồ sơ quản lý khách hàng.

- Tỷ lệ tổn thất cao tại TBA Mắt rồng 2; TBA Láng Cáp, HĐQT giao Ban TGD tìm giải pháp khắc phục triệt để như xây thêm trạm mới hoặc nâng công suất.

- HĐQT phê chuẩn kế hoạch SXKD quý 2 năm 2019 trong đó tập trung:

- Kiểm tra, rà soát hệ thống cột điện tại các xã, xử lý khắc phục các cột hư hỏng, xuống cấp.

- + Nghiên cứu đầu tư xây dựng thêm các trạm biến áp tại các xã: các trạm biến áp đã quá tải về công suất và phương án bổ sung cho các trạm sẽ thiếu điện vào mùa hè.

- + Đầu tư, sửa chữa, cải tạo nâng cấp đường dây hạ thế, san tải cho các trạm

- + Xin mặt bằng đầu tư xây dựng văn phòng quản lý tại địa bàn quản lý.

- + Đào tạo nguồn nhân lực và xây dựng văn hóa doanh nghiệp.

- + Thông báo ông Nguyễn Trung Kiên chủ tịch HĐQT làm việc tại Công ty từ ngày 16/5/2019. Phụ trách về hệ thống phần mềm quản trị của Công ty, nâng cấp phần mềm về kế toán, về quản lý vật tư.

1.3 Phiên họp lần thứ III (ngày 24/7/2019) nhằm đánh giá tình hình SXKD 6 tháng đầu năm 2019 và phê chuẩn kế hoạch SXKD quý III/2019

a) HĐQT ghi nhận kết quả SXKD 6 tháng đầu năm với các chỉ tiêu doanh thu đạt 152 tỷ, lợi nhuận trước thuế 9,4 tỷ đồng. Tỷ lệ tổn thất điện năng đạt 4,7%.

+ Xem xét, nghe báo cáo công tác của Chi nhánh Hạ Long, các thủ tục mượn đất, công tác xây dựng văn phòng làm việc tại các địa bàn kinh doanh.

+ HĐQT ghi nhận số trạm biến áp đã xây dựng mới là 06 trạm, kết hợp với Điện lực xây dựng 02 trạm, nâng công suất 05 trạm (trong đó của Điện lực là 02 trạm), Lượng dây san tải 10.500m.

+ HĐQT ghi nhận các xí nghiệp đã tăng cường việc kiểm tra- giám sát vì vậy tỷ lệ tổn thất đã giảm và cũng chỉ ra tại một số TBA tỷ lệ tổn thất vẫn còn cao.

-b) HĐQT phê chuẩn kế hoạch SXKD quý 3/ 2019 và nhất trí với các công việc:

+ Nhất trí việc tiếp nhận và quản lý các hệ thống điện, nước tại các khu dự án.

+ Nhất trí triển khai xây dựng bổ sung các trạm biến áp, hệ thống đường trục đảm bảo cung cấp đủ nguồn điện cho các hộ dân.

+ Nhất trí với kế hoạch duy tu bảo dưỡng các trạm biến áp.

+ Phần mềm mới sau khi triển khai thí điểm tại Xí nghiệp Thủy nguyên cần khẩn trương cho triển khai tại xí nghiệp Vĩnh Bảo và An Dương.

+ HĐQT nhất trí tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2019 là 10% trong tháng 10 năm 2019.

+ HĐQT giao Tổng giám đốc chỉ đạo xây dựng lương 2020, với mức trên trung bình đảm bảo đời sống của người lao động

Công việc khác

+ HĐQT đồng ý để Công ty cổ phần Điện nước lắp máy Hải Phòng tham gia góp vốn vào Công ty cổ phần Điện nước Hạ Long với chức năng nhiệm vụ và ngành nghề kinh doanh giống như Công ty cổ phần Điện nước lắp máy Hải Phòng. Tỷ lệ góp vốn 40% (tương đương số tiền 04 tỷ VNĐ) và giao cho ông Đỗ Huy Đạt tổng giám đốc công ty đại diện phần vốn góp.

1.4 Phiên họp lần thứ IV (ngày 29/10/2019) nhằm xem xét kết quả SXKD quý 3, phê chuẩn kế hoạch SXKD quý 4/2019 và xây dựng kế hoạch SXKD năm 2020.

+ HĐQT nhất trí với các chỉ tiêu báo cáo kết quả SXKD quý 3/2019:

- + HĐQT thông qua kế hoạch quý 4/2019 trong đó nhất trí với công tác tổ chức điều hành SXKD, công tác tài chính, công tác đầu tư xây dựng và cải tạo lưới điện,
- + HĐQT thống nhất biểu dương ban TGD đã chỉ đạo quyết liệt để
- + Năm 2019 đã xin được đất xây dựng văn phòng làm việc tại 05 xã, tại một số xã đã cho triển khai xây dựng.

+ Xây dựng mới phần mềm quản lý, ghi chỉ số, tính phí, gửi thông báo và phát hành hóa đơn điện tử. Nâng cao chất lượng phục vụ, áp dụng trả tiền qua tài khoản

- Hội đồng quản trị nhất trí với kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 do Ban tổng giám đốc xây dựng:

+Tổng doanh thu:	435 tỷ
+Doanh thu điện:	419 tỷ
+Doanh thu nước:	8,5 tỷ
+Doanh thu XD, DT khác:	7,5 tỷ
+Sản lượng:	204.0065.000 Kw
+Tồn thất:	5,2%
+Lợi nhuận trước thuế:	26,7 tỷ
+Tỷ lệ chia cổ tức:	> 20%
+Thu nhập bình quân:	9,3 triệu đồng/người/tháng.

- Công tác đầu tư năm 2020:

- + Xây dựng mới 04 TBA cho XN An Dương, 02 TBA cho XN Thủy Nguyên
- + Nâng công suất 06 TBA cho XN Vĩnh Bảo (là các trạm điện của Điện lực)
- + Nâng công suất 02 TBA cho XN An Dương và 01TBA cho XN Thủy Nguyên.

+ Đầu tư hệ thống đường dây hạ thế: 15-20Km.

+ Thay thế và kiểm định công tơ 3 fa và 1fa đã đến hạn tại các xí nghiệp

+ Xây dựng văn phòng tại các xã: Vinh Quang, Vĩnh Long, Thủy Nguyên

+ HĐQT phê chuẩn kế hoạch SXKD năm 2020 do ban TGD xây dựng; kế hoạch này có thể được điều chỉnh trong các cuộc họp của HĐQT tùy theo tình hình thực tế.

+ HĐQT nhất trí tăng vốn Điều lệ 25% trong quý 3/2020. Phần đầu chia cổ tức năm 2020 là 20% bằng tiền mặt.

HDQT nhất trí kế hoạch điều chỉnh lương, kế hoạch tham quan du lịch năm 2020

- + Tổng lương dự kiến tăng: 116% so với 2019
- + Kế hoạch tham quan năm 2020: trong đó: tổ chức Hội nghị khách hàng, ngày hội gia đình, cho toàn bộ CBCNV tham quan du lịch Hàn Quốc.
- + Nhất trí kế hoạch tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2019 tỷ lệ 10% vào tháng 04/2020.
- + Dự kiến tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 vào ngày 21/3/2020.
- + HDQT giao cho ban TGD tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trên.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

TT	Họ và tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu CP
1.	Nguyễn Thị Thu Hà	Trưởng ban	13.640CP chiếm 0,33%
2.	Lâm Thị Lịch	Thành viên	263.491CP chiếm 6,4 %
3.	Nguyễn Thị Thu Trang	Thành viên kiêm thư ký	647CP chiếm 0,016 %

b) Hoạt động của Ban kiểm soát

*** Đánh giá chung hoạt động của Ban kiểm soát:**

Trong năm 2019, Ban kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị của Công ty.

Ban kiểm soát đã thực hiện công tác giám sát theo đúng quyền và nghĩa vụ của mình thông qua các hoạt động chính sau đây:

- Giám sát Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2019.
- Xem xét, thẩm định Báo cáo tài chính, kết quả kinh doanh giữa niên độ và cả năm 2019.
- Xem xét việc thực hiện các dự án đầu tư;

*** Năm 2019 Ban kiểm soát tổ chức 2 cuộc họp:**

1. Ngày 17/03/2019 Ban kiểm soát đã họp và thống nhất với các nội dung sau:

1. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018
2. Kết quả giám sát tình hình tài chính của Công ty
3. Kết quả giám sát đối với HDQT, BTGD, Cán bộ quản lý

4. Sự phối hợp giữa BKS với HĐQT, BTGD và Cổ đông
5. Một số nhận xét và kiến nghị
6. Kế hoạch làm việc của BKS năm 2019.

2- Ngày 18/08/2019 Ban kiểm soát đã họp và thống nhất với các nội dung sau

1. Hoạt động của Ban kiểm soát 6 tháng đầu năm 2019;
2. Kết quả giám sát tình hình tài chính của Công ty 6 tháng đầu năm 2019;
3. Kết quả giám sát đối với HĐQT, BTGD, Cán bộ quản lý;
4. Sự phối hợp giữa BKS với HĐQT, BTGD và Cổ đông;
5. Một số nhận xét và kiến nghị.

***Kết quả của các cuộc họp của ban kiểm soát:**

Các cuộc họp của Ban kiểm soát đều diễn ra tại trụ sở của Công ty cổ phần Điện nước lắp máy Hải Phòng. Các thành viên của Ban kiểm soát đã tích cực nghiên cứu, trao đổi, thảo luận và thống nhất các nội dung của cuộc họp.

Kết thúc cuộc họp đều lập thành biên bản; ý kiến tán thành 3/3 chiếm tỷ lệ 100%.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, ban giám đốc và ban kiểm soát.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương, Thưởng, Thù lao
1	Nguyễn Trung Kiên	Chủ tịch HĐQT	325.540.000
2	Đỗ Huy Đạt	Ủy viên HĐQT- Tổng GĐ	772.921.923
3	Lê Hữu Cảnh	Ủy viên HĐQT- Phó TGD	617.631.538
4	Vũ Thị Lương Dung	Ủy viên HĐQT- Giám đốc KD	457.877.539
5	Lại Thị Vinh	Ủy viên HĐQT	107.500.000
6	Nguyễn Thị Thu Hà	Trưởng ban kiểm soát	263.258.000
7	Lâm Thị Lịch	Thành viên Ban Kiểm soát	72.500.000
8	Nguyễn Thị Thu Trang	Thành viên Ban Kiểm soát	72.500.000
	Tổng		2.689.799.000

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: có

c) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Để từng bước nâng cao hiệu quả công tác quản lý, quản trị Công ty:

+ Xây dựng, ban hành các hệ thống quản lý, rà soát, bổ sung những nội dung của Quy định, quy chế không còn phù hợp.

+ Giám sát chặt chẽ, kịp thời thu hồi các khoản nợ phải thu nhằm đảm bảo nguồn vốn hoạt động kinh doanh

+ Các giải pháp, biện pháp đạt nâng cao kết quả sản xuất kinh doanh và hoàn thành các mặt chưa đạt, còn thiếu và yếu.

+ Chấp hành theo các Quy định của Nhà nước.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		46.623.538.227	43.527.247.671
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	4.044.995.875	17.346.116.360
1. Tiền	111		4.044.995.875	7.346.116.360
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	10.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	1.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	1.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		34.375.300.102	15.898.253.008
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	7.335.905.808	6.680.157.364
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	4.811.195.344	5.070.870.160
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	16.000.000.000	100.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	6.678.338.726	4.047.225.484
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(450.139.776)	-
IV. Hàng tồn kho	140	10	7.886.387.181	8.800.850.698
1. Hàng tồn kho	141		7.886.387.181	8.800.850.698
V. Tài sản ngắn hạn khác	150			

			316.855.069	482.027.605
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	316.855.069	482.027.605
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		36.209.698.845	33.621.404.948
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	200.000.000
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	200.000.000
II. Tài sản cố định	220		29.901.216.154	28.694.765.582
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	29.901.216.154	28.694.765.582
- Nguyên giá	222		79.411.711.643	73.202.291.964
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(49.510.495.489)	(44.507.526.382)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	13	4.530.543.915	2.954.270.218
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		4.530.543.915	2.954.270.218
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		500.000.000	-
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	14	500.000.000	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.277.938.776	1.772.369.148
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	1.277.938.776	1.772.369.148
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		82.833.237.072	77.148.652.619
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		24.010.138.071	25.670.948.656
I. Nợ ngắn hạn	310		24.010.138.071	25.670.948.656
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	4.436.354.052	7.824.570.804
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	157.584.499	3.858.875.548
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	1.932.792.709	1.511.294.873
4. Phải trả người lao động	314		379.265.971	289.852.396
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		3.510.761.399	2.902.990.142
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	15.000.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	3.657.662.079	4.148.364.893
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	9.160.000.000	5.120.000.000

9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		775.717.362	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		58.823.099.001	51.477.703.963
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	58.823.099.001	51.477.703.963
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		41.103.200.000	41.103.200.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		41.103.200.000	41.103.200.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(50.000.000)	(50.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		557.368.590	45.577.520
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		713.858.604	713.858.604
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		16.498.671.807	9.665.067.839
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		16.498.671.807	9.665.067.839
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		82.833.237.072	77.148.652.619

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị : VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		357.734.976.119	286.619.672.879
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	21	357.734.976.119	286.619.672.879
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp	11	22	324.913.999.764	260.087.731.676
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		32.820.976.355	26.531.941.203
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.123.674.738	556.826.555
7. Chi phí tài chính	22		537.436.617	327.532.373
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		537.436.617	327.532.373
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	11.955.257.758	11.057.906.634
9. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		21.451.956.718	15.703.328.751

$\{30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)\}$				
10. Thu nhập khác	31	25	5.389.967.701	4.088.954.607
11. Chi phí khác	32		732.293.635	137.103.098
12. Lợi nhuận từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		4.657.674.066	3.951.851.509
13. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		26.109.630.784	19.655.180.260
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	5.466.548.068	3.983.913.621
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		20.643.082.716	15.671.266.639
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	5.014	4.661

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị : VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	26.109.630.784	19.655.180.260
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.653.802.492	5.093.023.470
- Các khoản dự phòng	03	450.139.776	-
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(5.090.348.491)	(3.295.514.356)
- Chi phí lãi vay	06	537.436.617	327.532.373
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	27.660.661.178	21.780.221.747
- Tăng/(giảm) các khoản phải thu	09	(2.568.823.239)	2.673.979.922
- Tăng/(giảm) hàng tồn kho	10	914.463.517	7.771.573.821
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(4.163.536.456)	(8.903.748.922)
- Tăng/(giảm) chi phí trả trước	12	659.602.908	1.428.540.566
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		
- Tiền lãi vay đã trả	14	(537.436.617)	(327.532.373)

